Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt

Địa chỉ: Phòng 2303, Tòa nhà Lim, 9-11 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08 38239909 Fax: 08 38246329

Mẫu số B01-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 Tháng 9 Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	**166,975,186,065**	**168,757,249,546**
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	**3,377,230,164**	**36,837,436,937**
1.Tiền	3,377,230,164	8,337,436,937
2. Các khoản tương đương tiền	-	28,500,000,000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	**154,288,658,864**	**121,262,749,454**
1. Đầu tư ngắn hạn	160,771,729,401	124,874,332,033
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6,483,070,537)	(3,611,582,579)
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	**8,626,944,820**	**10,486,509,386**
1. Phải thu của khách hàng	1,126,440,055	8,710,796,433
2. Trả trước cho người bán	2,307,068,000	805,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5,616,109,289	1,298,279,905
5. Các khoản phải thu khác	577,327,476	672,433,048
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
IV. HÀNG TỒN KHO	-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	**682,352,217**	**170,553,769**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	254,039,401	170,553,769
2. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
3. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	428,312,816	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+260)	**10,764,876,297**	**10,819,870,615**
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	-	-
1. Khoản phải thu dài hạn khách hàng	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	**376,991,689**	**573,701,336**
1. Tài sản cố định hữu hình	236,158,292	554,117,942
- Nguyên giá	2,831,382,775	2,831,382,775
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	(2,595,224,483)	(2,277,264,833)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	140,833,397	19,583,394
- Nguyên giá	955,209,540	815,209,540
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(814,376,143)	(795,626,146)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
III. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	**9,600,000,000**	**9,600,000,000**
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	9,600,000,000	9,600,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn(*)	-	-
IV.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	**787,884,608**	**646,169,279**
1. Chi phí trả trước dài hạn	274,642,415	132,927,086
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	513,242,193	513,242,193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**177,740,062,362**	**179,577,120,161**
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**3,988,205,540**	**6,198,978,775**
I. NỢ NGẮN HẠN	**3,678,205,540**	**5,888,978,775**
1. Vay ngắn hạn	-	-
2. Phải trả người bán	-	-
3. Người mua trả tiền trước	-	-

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	127,598,325	1,793,533,518
5. Phải trả người lao động	1,872,300,000	2,045,133,333
6. Chi phí phải trả	1,173,829,280	788,036,482
7. Phải trả nội bộ	-	-
8. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	16,772,235	774,569,742
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
10. Qũy khen thưởng phúc lợi	487,705,700	487,705,700
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
II. NỢ DÀI HẠN	**310,000,000**	**310,000,000**
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
9. Qũy phát triển khoa học và công nghệ	-	-
10. Qũy dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	310,000,000	310,000,000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**173,751,856,822**	**173,378,141,386**
1. Nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu	130,000,000,000	130,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	(2,608,500,000)	(2,608,500,000)
3. Vốn khác chủ sở hữu	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7. Qũy đầu tư phát triển	-	-
8. Qũy dự phòng tài chính	1,389,478,186	1,389,478,186
9. Qũy khác thuộc vốn chủ sở hữu	1,389,478,186	1,389,478,186
10. Lợi nhuận chưa phân phối	43,581,400,450	43,207,685,014
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**177,740,062,362**	**179,577,120,161**
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	80,293,339	80,293,339
5. Ngoại tệ các loại	-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	32,732,530,000	35,084,100,000
6A. Chứng khoán giao dịch	32,732,530,000	35,084,100,000
6B. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
6C. Chứng khoán cầm cố	-	-
6D. Chứng khoán tạm giữ	-	-
6E. Chứng khoán chờ thanh toán	-	-
6F. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
6G. Chứng khoán chờ giao dịch	-	-
6H. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
6I. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	85,667,577,100	60,059,734,600
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	10,500,087,671	18,566,297
8A. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	10,500,087,671	18,556,297
8B. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	-	157,310,147,678
9A. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	-	157,310,147,678
9B. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	1,389,120,000	1,453,952,164

Ngày 15 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
	(Ký, họ tên)	
Trần Thị Thanh Tâm	Khúc Thị Kiều	Cung Trần Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
Địa chỉ: Phòng 2303, Tòa nhà Lim, 9-11 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 08 38239909 Fax: 08 38246329

Mẫu số B05-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu quý		Số tăng / giảm				Số dư cuối quý	
		Quý trước	Quý này	Quý trước		Quý này		Quý trước	Quý này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130,000,000,000	130,000,000,000	-	-	-	-	130,000,000,000	130,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2,608,500,000)	(2,608,500,000)	-	-	-	-	(2,608,500,000)	(2,608,500,000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Qũy đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Qũy dự phòng tài chính		1,389,478,186	1,389,478,186	-	-	-	-	1,389,478,186	1,389,478,186
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1,389,478,186	1,389,478,186	-	-	-	-	1,389,478,186	1,389,478,186
10. Lợi nhuận chưa phân phối	VIII	47,294,651,715	42,509,977,710	-	4,784,674,005	1,071,422,740	-	42,509,977,710	43,581,400,450
Cộng		177,465,108,087	172,680,434,082	-	4,784,674,005	1,071,422,740	-	172,680,434,082	173,751,856,822

** Giải thích một số trường hợp tăng, giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm:*

Ngày 15 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Trần Thị Thanh Tâm	Khúc Thị Kiều	Cung Trần Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
Địa chỉ: Phòng 2303, Tòa nhà Lim, 9-11 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 08 38239909 Fax: 08 38246329

Mẫu số B02-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm này	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	1	VI.28	6,228,323,394	342,388,787	7,830,896,850	3,306,920,243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.29	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**10**		**6,228,323,394**	**342,388,787**	**7,830,896,850**	**3,306,920,243**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.30	3,007,844,223	2,406,768,274	8,341,310,104	7,826,769,619
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	**20**		**3,220,479,171**	**- 2,064,379,487**	**- 510,413,254**	**- 4,519,849,376**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	1,623,423,700	8,787,455,838	15,742,456,085	24,028,021,128
7. Chi phí tài chính	22	VI.32	1,804,596,789	3,422,193,319	9,106,472,449	3,063,951,646
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,874,454,483	1,551,676,980	5,671,153,359	9,026,780,575
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-2	**30**		**1,164,851,599**	**1,749,206,052**	**454,417,023**	**7,417,439,531**
10. Thu nhập khác	31		23,148,798	44,199,895	105,135,749	292,652,449
11. Chi phí khác	32		23,148,798	44,199,895	92,408,477	292,038,221
12. Lợi nhuận khác	**40**		-	-	**12,727,272**	**614,228**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**1,164,851,599**	**1,749,206,052**	**467,144,295**	**7,418,053,759**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	93,428,859	-	93,428,859	424,151,677
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34	-	-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1,071,422,740**	**1,749,206,052**	**373,715,436**	**6,993,902,082**
16. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2018

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Trần Thị Thanh Tâm	Khúc Thị Kiều	Cung Trần Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt

Địa chỉ: Phòng 2303, Tòa nhà Lim, 9-11 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: 08 38239909 Fax: 08 38246329

Mẫu số B03-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	**I**		-	-
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1,942,773,111	2,443,509,383
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa dịch vụ	2		(5,343,372,958)	(7,187,136,082)
3. Chi tiền trả cho người lao động	3		(7,337,059,525)	(6,771,120,686)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-	-
5. Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1,965,289,518)	(42,417,818)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3,122,262,787	154,336,729
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7		(3,850,639,423)	(1,031,786,625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(13,431,325,526)**	**(12,434,615,099)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**II**		-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(289,036,294)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		200,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn và các đơn vị khác	25		(112,286,452,318)	(194,736,722,817)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		88,947,488,232	151,628,982,411
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,110,082,839	4,090,122,676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(20,028,881,247)**	**(39,306,654,024)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**III**		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(33,460,206,773)**	**(51,741,269,123)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**36,837,436,937**	**67,941,903,872**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**3,377,230,164**	**16,200,634,749**

Ngày 15 tháng 10 năm 2018

LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Trần Thị Thanh Tâm	Khúc Thị Kiều	Cung Trần Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ghi chú: Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số".

Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt

Địa chỉ: Phòng 2303, Tòa nhà Lim 9-11 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé , Q.1, TP HCM
Điện thoại: 08 38239909 Fax: 08 38246329

Mẫu số B09-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 30/09/2018

I- Đặc điểm hoạt động của công ty

1- Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2- Lĩnh vực hoạt động: Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh: Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn

4- Tổng số nhân viên: 15

5- Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1- Kỳ kế toán năm: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VNĐ")

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/09/2011 và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam. Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập , tổ chức hoạt động của Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC áp dụng cho các Công ty Quản lý quỹ trong việc lập Báo cáo tài chính.

3- Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gởi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gởi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình):

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình):

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:
Nâng cấp văn phòng : 5 năm
Thiết bị văn phòng : 3 năm

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính;

(a) Phân loại

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành.

Đầu tư vào công ty con: Các công ty con là công ty mà trong đó Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền kiểm soát hoạt động. Các khoản đầu tư vào công ty con ban đầu được thể hiện theo giá thực tế mua. Dự phòng được lập khi công ty mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính quý theo phương pháp giá gốc.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do giao dịch trên thị trường khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") được xác định là giá đóng cửa tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Giá thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh ("HOSE") là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom"), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.
Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

4- Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí trả trước liên quan đến nhiều niên độ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần: là chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ;

Phí quản lý và phí thưởng hoạt động được ghi nhận khi được hưởng.

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (Quỹ VCAMBF) và quản lý các danh mục đầu tư ủy thác. Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các Quỹ này và danh mục đầu tư ủy thác trên. Phí quản lý quỹ được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản dòng của quỹ và của mỗi danh mục đầu tư vào ngày cuối tháng.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Lãi do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.
Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn và dài hạn là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư và các chi phí tài chính khác

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

(Đơn vị tính: VNĐ)

01 - Tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	109,608,807	49,394,468
- Tiền gửi Ngân hàng	3,267,621,357	8,288,042,469
- Tiền đang chuyển		
Cộng	**3,377,230,164**	**8,337,436,937**

02 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	-	-	-	-
FPT	40,250	2,037,822,231	260,000	10,981,086,343
PPC	100,000	2,056,186,250	400,000	8,348,078,342
VLC	-	-	50,000	902,477,482
VOC	254,700	6,380,028,846	254,700	6,380,028,846
SEA	250,500	2,785,903,006	430,700	4,789,973,750
VGC HN	600,000	11,698,618,293	950,000	17,209,697,230
BCC	-	-	300,000	4,419,624,122
NLG	-	-	10	272,925
SBV	388,020	12,470,422,615	388,000	12,469,899,832
MBB	-	-	50,000	1,218,693,161

PC1	143,750	3,750,000,000	125,000	3,750,000,000
ANV	-	-	300,000	3,004,500,000
LPB	250,000	3,783,706,128	-	-
BFC	20,000	705,656,898	-	-
POW	106,033	1,537,478,500	-	-
PMG	80,000	1,637,234,782	-	-
HVH	1,176,000	15,288,000,000	-	-
VPI HO	40,000	1,623,171,852	-	-
AMV	1,000,000	25,037,500,000	-	-
Tổng/ Total	**4,449,253**	**90,791,729,401**	**3,508,410**	**73,474,332,033**
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	**-**	**-**	**-**	**-**
VCAMBF	5,402,957.71	55,700,000,000	5,045,973.46	51,200,000,000
OCB	1,027,800	14,280,000,000	-	-
Tổng/ Total	**6,430,757.71**	**69,980,000,000**	**5,045,973**	**51,200,000,000**
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Tổng/ Total	**-**	**-**	**-**	**-**
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-
Tổng/ Total	**-**	**-**	**-**	**-**
Chứng khoán khác	-	-	-	-
Tổng/ Total	**-**	**-**	**-**	**-**
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(6,483,070,537)		(3,611,582,579)
Tổng cộng	-	**154,288,658,864**	-	**121,062,749,454**

03 - Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	54,741,789	59,597,244
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	295,367,500	39,582,661
- Phải thu phí thưởng hoạt động	-	-
- Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	5,266,000,000	1,199,000,000
- Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	100,000
Cộng	**5,616,109,289**	**1,298,279,905**

04 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	48,248,348
- Phải thu người lao động	381,223,000	67,572,750
- Phải thu khác	196,104,476	556,611,950
Cộng	**577,327,476**	**672,433,048**

06 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	428,312,816	-
- ……	…	…
- Các khoản khác phải thu Nhà nước:	…	…
Cộng	**428,312,816**	**-**

09 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu kỳ	1,678,448,281	1,152,934,494	2,831,382,775
- Mua trong kỳ	-	-	-

- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,678,448,281	1,152,934,494	2,831,382,775
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(1,230,862,079)	(1,046,402,754)	(2,277,264,833)
- Khấu hao trong kỳ	(251,767,242)	(66,192,408)	(317,959,650)
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(1,482,629,321)	(1,112,595,162)	(2,595,224,483)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			-
- Tại ngày đầu kỳ	447,586,202	106,531,740	554,117,942
- Tại ngày cuối kỳ	195,818,960	40,339,332	236,158,292

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 910.898.193 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

11- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu kỳ	815,209,540	815,209,540
- Mua trong kỳ	140,000,000	140,000,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	955,209,540	955,209,540
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	(795,626,146)	(795,626,146)
- Khấu hao trong kỳ	(18,749,997)	(18,749,997)
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	(814,376,143)	(814,376,143)
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
- Tại ngày đầu kỳ	19,583,394	19,583,394
- Tại ngày cuối kỳ	140,833,397	140,833,397

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:768.209.542VNĐ

13- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Đầu tu vào công ty liên kết	-	-	-	-
Tổng/ Total	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác 2281	-	-	-	-
GMD-VT	960,000	9,600,000,000	960,000	9,600,000,000
Tổng/ Total	**960,000**	**9,600,000,000**	**960,000**	**9,600,000,000**

Đầu tư vào chứng chỉ quỹ 2282	-	-	-	-
Tổng/ Total	**-**	**-**	**-**	**-**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-		-	
Tổng cộng		**9,600,000,000**		**9,600,000,000**

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	2,326,500	109,000,000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1,443,547,843
- Thuế thu nhập cá nhân	125,271,825	240,985,675
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	**127,598,325**	**1,793,533,518**

17- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Trích trước chi phí kiểm toán	84,820,000	207,940,000
-Chi phí khác	1,089,009,280	580,096,482
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Cộng	**1,173,829,280**	**788,036,482**

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16,772,235	774,569,742
Cộng	**16,772,235**	**775,012,242**

22 - Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số dư đầu kỳ	310,000,000	310,000,000
- Số bồi thường cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
- Số trích lập trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	310,000,000	310,000,000

24 - Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Khoản mục	Cuối quý	Đầu năm
Công Ty cổ phần chứng khoán Bản Việt 1		
Số dư đầu năm	**17,416,295**	**1,213,357,897**
Số tăng trong quý	83,897,806,534	297,962,857,310
Số giảm trong quý	83,915,222,829	299,158,798,912
Số dư cuối quý	-	**17,416,295**
Công Ty cổ phần chứng khoán Bản Việt 2		
Số dư đầu năm	**1,150,002**	**7,184,785**
Số tăng trong quý	42,207,058,606	27,325,059,257

Số giảm trong quý	42,208,208,608	27,331,094,040
Số dư cuối quý	-	**1,150,002**
Công ty TNHH Phoenix Holdings		
Số dư đầu năm	-	
Số tăng trong quý	8,000,087,671	
Số giảm trong quý		
Số dư cuối quý	**8,000,087,671**	
Trần Ngô Anh Thi		
Số dư đầu năm	-	
Số tăng trong quý	2,500,000,000	
Số giảm trong quý		
Số dư cuối quý	**2,500,000,000**	

25 - Danh mục nhà đầu tư ủy thác

	Cuối quý	Đầu năm
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	-	**157,310,147,678**
_ Cổ phiếu niêm yết (chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm/rủi ro)		7,564,563,678
_ Cổ phiếu không niêm yết (chi tiết cổ phiếu không niêm yết bị giảm/rủi ro)		149,745,584,000
_ Trái phiếu (chi tiết trái phiếu bị giảm/rủi ro)		

26 - Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	Cuối quý	Đầu năm
Các khoản phải thu		
Công ty cổ phần chứng khoán bản việt		

27 - Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	Cuối quý	Đầu năm
Công ty cổ phần chứng khoán bản việt		490,073,064
Công ty cổ phần chứng khoán bản việt		963,879,100
Công Ty TNHH Phoenix Holdings	993,250,000	
Trần Ngô Anh Thy	395,870,000	
Cộng	**1,389,120,000**	**1,453,952,164**

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

(Đơn vị tính: VNĐ)

28. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ (Mã số 01)

	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	160,653,591	175,465,196	499,092,654	505,131,408
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	315,273,355	146,263,401	462,824,553	1,674,853,645
+ Doanh thu từ phí thưởng hoạt động	-	-	-	-
+ Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	5,751,925,000	-	6,841,925,000	1,090,000,000
+ Doanh thu khác	471,448	20,660,190	27,054,643	36,935,190
Cộng	**6,228,323,394**	**342,388,787**	**7,830,896,850**	**3,306,920,243**

29. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02) - -

30. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
+ Chi phí hoạt động quản lý quỹ ĐTCK	3,007,844,223	2,406,768,274	8,341,310,104	7,826,769,619
+ Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-	-	-
+ Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-	-	-
+ Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	-	-	-	-
+ Giá vốn hàng bán	-	-	-	-
Cộng	**3,007,844,223**	**2,406,768,274**	**8,341,310,104**	**7,826,769,619**

31. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	150,401,155	194,263,389	653,084,491	673,548,484
- Lãi đầu tư tài chính	748,772,545	6,789,692,449	12,680,621,594	20,457,027,644
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	724,250,000	1,803,500,000	2,408,750,000	2,897,445,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	**1,623,423,700**	**8,787,455,838**	**15,742,456,085**	**24,028,021,128**

32. Chi phí tài chính (Mã số 22)

	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay		-		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-	0	0
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5,527,999,662	476,860,408	6,234,594,473	1,845,595,281
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn & dài hạn	(3,723,457,873)	2,945,332,911	2,871,487,958	1,218,356,365
- Chi phí tài chính khác	55,000	-	390,018	-
Cộng	**1,804,596,789**	**3,422,193,319**	**9,106,472,449**	**3,063,951,646**

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	93,428,859	-	93,428,859	424,151,677.00
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập kỳ hiện hành		-		-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**93,428,859**	**-**	**93,428,859**	**424,151,677**

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Đơn vị tính: VNĐ)

35. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Kỳ này	Kỳ trước
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:		-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:		-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;		-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;		-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;		-
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.		-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.		-

VIII- Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu:

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:

- Thu nhập:

- Chi phí:

- Lãi (Lỗ):

Cộng:

IX- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

-

-

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

-

-

3. Thông tin về các bên liên quan:

-

-

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận" (2):

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành:

- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ: 13.000.000CP

- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ:

- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá: 10.000VNĐ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành:	13,000,000	13,000,000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành:		
8. Những thông tin khác. (3)		

Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Tâm	Khúc Thị Kiều	Cung Trần Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có thông tin, số liệu thì không phải trình bày

(2) Chỉ áp dụng cho công ty niêm yết

(3) Công ty được trình bày thêm các thông tin khác xét thấy cần thiết cho người sử dụng báo cáo tài chính.